TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST
Ngày 24/12/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hoạt.
Bà Phan Thị Huyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 24/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2019/HSST, ngày 03/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXXST- HS, ngày 12/12/2019, đối với bị cáo:

Hoàng Văn Đ - Sinh ngày 24/10/1996, tại B, Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt nam; con ông Hoàng Văn K và bà Trương Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 17/12/2018 bị Công an phường N, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*, mức phạt 1.500.000^{đ}, đã nộp phạt ngày 18/12/2018; nhân thân: Ngày 17/12/2014 bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*, mức phạt 1.500.000^{đ}, đã nộp phạt ngày 24/10/2014. Ngày 15/10/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên khởi tố bị can về tội *"Trộm cắp tài sản";* ngày 29/10/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn khởi tố bị can về tội *"Trộm cắp tài sản"*; bị bắt giam giữ từ ngày 24/9/2019 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Lý Văn Trung – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn – Có mặt.

** Người bị hại:*

Bà Lê Thị H - Sinh năm 1951;
Trú tại: Tổ X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn – Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Ông Ngô Văn T - Sinh năm 1968;
Trú tại: Tổ Y, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.
Vắng mặt.
2, Ông Hoàng Văn K - Sinh năm 1973;
Trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 23/7/2019, Hoàng Văn Đ một mình điều khiển xe mô tô BKS 97F4-54XX từ thành phố B về nhà tại xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Khi đi qua đoạn đường thuộc tổ K, phường H, thành phố B, Đ dừng xe đi bộ vào bãi đất trống cạnh đường, tại đây Đ thấy có các khuôn sắt để làm khuôn đổ bê tông của cơ sở kinh doanh sản xuất gạch, ngói, cống xi măng của bà Lê Thị H. Quan sát không thấy có người trông coi nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp các tấm khuôn sắt để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đ dắt xe mô tô vào trong bãi đất trống rồi bê lần lượt 03 tấm khuôn sắt lên xe mô tô và chở đến cơ sở thu mua sắt vụn của ông Ngô Văn T, ở tổ Y, phường S, thành phố B để bán, 03 tấm khuôn sắt có tổng trọng lượng 91kg, Đ bán được 500.000^{đ} *(Năm trăm nghìn đồng)*, số tiền trên Đ chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 16/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: 03 tấm kim loại (Cốt pha sắt) kích thước 1m x 1m có tổng trọng lượng 91kg trị giá là: 91kg x 30.000^{đ} = 2.730.000^{đ} *(Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 60/CT-VKSTP, ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo số tiền 542.000^{đ}.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Quá trình tranh luận, bị cáo, bị hại và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Rạng sáng ngày 23/7/2019, Hoàng Văn Đ đã có hành vi chiếm đoạt 03 tấm kim loại (cốt pha sắt) của cơ sở kinh doanh sản xuất gạch, ngói, cống xi măng do bà Lê Thị H làm chủ thuộc tổ K, phường H, thành phố B. Tổng giá trị của 03 tấm kim loại mà Đ chiếm đoạt là 2.730.000đ *(Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hoàng Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Hoàng Văn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Hoàng Văn Đ có nhân thân xấu: Năm 2014 bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*; ngày 17/12/2018 bị Công an phường N, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*. Nhưng Hoàng Văn Đ không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân thành người lương thiện, mà còn lao sâu vào con đường phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là *"Người phạm tội khắc phục hậu quả"*, *"Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"* và*"Thành khẩn khai báo"* được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Mặt khác bị cáo có bà nội là bà Ma Thị H có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, vì vậy khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự kheo khoản 2 Điều 51/BLHS.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Việc truy tố xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xin được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khoản tiền án phí.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi 03 tấm kim loại và trả lại cho bị hại là bà Lê Thị H, bà H không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Ông Ngô Văn T yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả lại số tiền 500.000^{đ} *(Năm trăm nghìn đồng)*. Ngày 5/11/2019 ông Hoàng Văn K (bố đẻ của bị cáo Đ) đã hoàn trả lại số tiền trên cho ông T, đến nay ông T không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe mô tô BKS 97F4 – 54xx, qua xác minh chiếc xe trên là của anh Trương Văn K - Sinh năm 1988; trú tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cho bị cáo Đ mượn, anh K không biết việc Đ sử dụng xe vào việc phạm tội, nên Cơ quan Điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với số tiền 542.000đ *(Năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng)* thu giữ của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có ông Ngô Văn T là người mua 03 tấm kim loại với Hoàng Văn Đ, tuy nhiên khi trao đổi mua bán Đ không nói cho ông T biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên ông T đã đồng ý mua. Do đó, không xem xét trách nhiệm đối với ông Ngô Văn T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Tuyên bố:* Bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

1, Về hình phạt: - Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/ BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/9/2019.

2, Về vật chứng: - Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Đ số tiền 542.000đ *(Năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*. (Tình trạng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn ngày 13/12/2019).

3, Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND thành phố;
- CQTHAHS Công an TP;
- CQCSĐT Công an TP;
- Chi cục THA thành phố;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Hồ sơ;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Hồng Lễ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h 00' ngày 26 tháng 10 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Quỳnh và ông Lường Văn Thiết.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/TLST-HS ngày 17/8/2018. Đối với bị cáo Lăng Thị Huệ - sinh năm 1990, tại Bắc Kạn.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1, Về tội danh: Bị cáo Lăng Thị Huệ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2, Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3, Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lăng thị Huệ 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4, Các vấn đề khác:

** Về án phí:*

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lăng Thị Huệ phải chịu 200.000^{đ} *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Kim Quỳnh – Lường Văn Thiết **Vi Hồng Lễ**